

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09/02/2026.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Minh Tấn.

2. Ông Dương Hồng Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu H - sinh năm: 1991

Số CCCD: 060191012654 cấp ngày: 28/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: thôn V, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1981

Số CCCD: 060081004233 cấp ngày: 28/06/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: thôn V, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Phan Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T có quen biết, yêu thương nhau chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại vào năm 2006 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là: UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). Thời gian đầu sống chung vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy có những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng có thể bỏ qua cho nhau. Dần dần cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống hôn nhân rất áp lực, tôi cố gắng chịu đựng sống vì con. Nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn diễn ra trầm trọng, tôi đã nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhưng muốn hàn gắn nên đã rút đơn về. Tuy nhiên, khi về lại chung sống chỉ được vài ngày thì vợ chồng lại cãi vã nhau. Không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên lần này tôi nộp đơn ly hôn và chuyển ra ngoài sống. Hiện nay, vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà Phan Thị Thu H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Phan Thị Thu H ông Nguyễn Văn T thời gian sống chung có 03 người con chung tên Nguyễn Đăng T1 – sinh năm: 2007; Nguyễn Xuân T2 – sinh ngày: 25/10/2009 và Nguyễn Thị Xuân V – sinh ngày: 20/01/2016. Nguyên vọng sau khi ly hôn về con chung bé Nguyễn Đăng T1 – sinh năm: 2007 đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao 01 con chung Nguyễn Xuân T2 cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục còn bé Nguyễn Thị Xuân V sẽ do tôi tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, Nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phan Thị Thu H có quen biết, yêu thương nhau chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại vào năm 2006 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là: UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). Thời gian đầu sống chung vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Cách đây 2 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân.

Ông Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với bà Phan Thị Thu H.

Về con chung: Ông và bà Phan Thị Thu H thời gian sống chung có 03 người con chung tên Nguyễn Đăng T1 – sinh năm: 2007; Nguyễn Xuân T2 – sinh ngày: 25/10/2009 và Nguyễn Thị Xuân V – sinh ngày: 20/01/2016. Nguyên vọng sau khi

ly hôn về con chung bé Nguyễn Đăng T1 – sinh năm: 2007 đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trực tiếp T3 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên Nguyễn Xuân T2. Bà Phan Thị Thu H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục bé Nguyễn Thị Xuân V. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu H. Bà Phan Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Xuân T2 – sinh ngày: 25/10/2009 cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân V – sinh ngày: 20/01/2016 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét nữa. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thu H được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bà Phan Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Người bị kiện là ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại thôn V, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227;

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lò Hoàng L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà H và ông Nguyễn Văn T đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông bà nảy sinh theo như bà H trình bày là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và hai người đã không còn sống chung. Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với bà Phan Thị Thu H.

[4] Xem xét tình trạng hôn nhân giữa bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã xảy ra mặc dù ông bà đã tìm nhiều cách hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và thực tế hiện nay, ông bà đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với bà H, chứng tỏ ông bà không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà đã thật sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thu H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung tên Nguyễn Đăng T1 – sinh năm: 2007; Nguyễn Xuân T2 – sinh ngày: 25/10/2009 và Nguyễn Thị Xuân V – sinh ngày: 20/01/2016. 01 con chung Nguyễn Đăng T1 – sinh năm: 2007 đã thành niên không xem xét. Bà H và ông T thống nhất: bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân V – sinh ngày: 20/01/2016; ông Trực tiếp T3 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung tên Nguyễn Xuân T2 – sinh ngày: 25/10/2009. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đúng quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Phan Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thu H. Bà Phan Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao 01 con chung tên Nguyễn Xuân T2 – sinh ngày: 25/10/2009 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân V – sinh ngày: 20/01/2016 cho bà Phan Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0006084 ngày 21/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng. Bà Phan Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV11;
- Phòng THADS KV11;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thành